TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2019
V/v tranh chấp: *Xin ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa:* **Bà Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **05** tháng **9** năm **2019,** tại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/ QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Hà T**, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở hiện tại: Tổ X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. ***Có mặt.***

2. Bị đơn: **Anh Đoàn Đình T**, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Xóm M, xã Tố, huyện C, Thành phố Hà Nội. ***Vắng mặt.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai của Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Hà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T tự nguyện kết hôn với anh Đoàn Đình T có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2016 tại UBND xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà chung sống với nhau tại tổ X, thị trấn S.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến chị T. Anh T đi sữa chữa máy tính nên thường xuyên không có ở nhà, khoảng hơn một năm nay anh T bỏ đi đâu ở chị không biết chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại về, vợ chồng sống ly thân không chung sống cùng nhau. Hai bên gia đình chị T, anh T đã nhiều lần hàn gắn để hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị T xác định không còn tình cảm với chồng nên xin ly hôn Anh Đoàn Đình T.

- *Về con chung:* Chị T, anh T không có con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị T, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Anh Đoàn Đình T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để ghi lời trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa trình bày.

Tòa án đã ghi lời khai của bà Lê Thị T (là mẹ của Anh Đoàn Đình T) trình bày: Vợ chồng chị T và anh T kết hôn với nhau thì chỉ ở nhà gia đình bà, sau đó vợ chồng chị T anh T lên thị trấn S làm anh T làm thuê sửa chữa máy tính. Trong quá trình hai vợ chồng chị T, anh T sống với nhau có xảy ra mẫu thuẫn hay không bà không biết. Chị T, anh T không có con chung.

3. Ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Hà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Đoàn Đình T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Đoàn Đình T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định pháp luật về quyền nghĩa vụ của đương sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ Điều 51, 53,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Hà T ly hôn anh Đoàn Đình T.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong vụ án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* anh Đoàn Đình T có hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại Xóm Mát, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội vì vậy Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị T là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Hà T và Anh Đoàn Đình T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2016 tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội là hợp pháp.

Kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị T và anh T thể hiện: Sau khi kết hôn năm 2016 vợ chồng chung sống được hơn 1 năm vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến chị T. Anh T đi nơi khác ở vợ chồng sống ly thân hơn 1 năm nay không chung sống cùng nhau.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa để giải quyết nhưng anh T không chấp hành là không có thiện chí hòa giải. Vì vậy chị Trang xin ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho chị T ly hôn anh T để hai bên ổn định cuộc sống.

[2] *Về con chung:* Chị T, anh T không có con chung.

[3]*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Hà T, Anh Đoàn Đình T không có, không đề nghị nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Hà T được ly hôn Anh Đoàn Đình T.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004104 ngày 20/6/2019)* tại Chi cục Thi hành án huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Đình T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Thu Thủy